TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 528/2026/DS-PT
Ngày: 24/3/2026
V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền
Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Hòa
Bà Bùi Thị Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Lê Quỳnh Anh, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Vĩnh Hưng, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 24 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 350/2026/TLPT-DS ngày 28 tháng 01 năm 2026 về việc: "Tranh chấp đòi lại tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1402/2025/DS-ST ngày 09/12/2025 của Toà án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1037/2026/QĐ-PT ngày 27/02/2026 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 3695/2026/QĐ-PT ngày 18/3/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Bà Cao Thị T,** sinh năm 1964.
CCCD số: 080xxx
Địa chỉ: số 1, ấp BT 1, xã TM, huyện C, tỉnh Long An, nay là xã TM, tỉnh Tây Ninh.
Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Nam S, sinh năm 1967. *(có mặt)*
Địa chỉ: 15A HL, phường M, Quận N nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* **Ông Võ Anh T,** sinh năm 1971.
CCCD số: 079xxx
Địa chỉ: 311 ĐKC, ấp 4, xã TN, huyện B, nay là xã TN, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Thu T2, sinh năm 1975. *(có mặt)*
Địa chỉ: 311 ĐKC, ấp 4, xã TN, huyện B, nay là xã TN, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người kháng cáo:* nguyên đơn - bà Cao Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – bà Cao Thị T do người đại diện hợp pháp - ông Nguyễn Nam S trình bày:

Vào thời điểm năm 1990, nguyên đơn – bà Cao Thị T có cho chị dâu là bà Võ Thị Kim A (là mẹ của bị đơn – ông Võ Anh T1) mượn số tiền là 9.000.000 đồng tương đương với 02 cây vàng 24K vào thời điểm đó, việc mượn tiền giữa hai bên không có làm giấy tờ và không yêu cầu bà A trả lãi.

Đến năm 2020, bà Kim A mất, bà T nghe tin ông Võ Anh T1 là con của bà Kim A bán nhà thì có gặp ông T1 để thỏa thuận lại. Ông T1 có lập Giấy cam kết ngày 28/7/2020 về việc đồng ý trả thay bà A 02 cây vàng 24K cho bà T sau khi bán nhà xong, tuy nhiên ông T1 không thực hiện.

Trước khi ký Giấy cam kết ngày 28/07/2020, chồng bà T là ông Võ Văn Đ cùng ông Võ Văn S1 (ông Đ và ông S1 đều là cậu của ông T1) có yêu cầu ngăn chặn việc ông Võ Anh T1 bán nhà, nên ngày 23/7/2020 ông Võ Anh T1 đã thỏa thuận với ông Võ Văn Đ và ông Võ Văn S1 để xác lập một Giấy giao nhận tiền với nội dung ông T1 giao cho ông Đ và ông S1 mỗi người là 200.000.000 đồng, để hai cậu rút đơn ngăn chặn việc mua bán nhà đối với căn nhà 29 MP, Phường H, Quận M. Vụ việc này đã được giải quyết thành vụ kiện khác, nay các bên xác nhận không có tranh chấp trong vụ án này.

Ngày 22/01/2025 nguyên đơn nộp Đơn khởi kiện (BL.29) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Võ Anh T1 trả 02 cây vàng 24K theo nội dung cam kết ngày 28/7/2020.

Theo nguyên đơn, giá vàng tính tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 152.000.000 đồng (Một trăm năm mươi hai triệu đồng), nên yêu cầu ông T1 trả số tiền 304.000.000 đồng (Ba trăm lẻ bốn triệu đồng).

Theo bản tự khai ngày 26/3/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có bà Phan Thị Thu T2 trình bày:

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Võ Anh T1 không có vay mượn tiền với bà Cao Thị T, yêu cầu bà T cung cấp chứng cứ chứng minh ông T1 mượn tiền của bà T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1402/2025/DS-ST ngày 09/12/2025 của Toà án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1 Ông Võ Anh T1 có nghĩa vụ trả số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) cho bà Cao Thị T.

1.2 Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả 02 cây vàng 24K, tương đương số tiền còn lại là 295.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi lăm triệu đồng).

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi trên số tiền gốc.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 18/12/2025, nguyên đơn – bà Cao Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn trình bày: Chỉ yêu cầu bị đơn trả 02 cây vàng 24K theo Giấy cam kết nhận nợ mà bị đơn đã ký xác nhận ngày 28/7/2020, được quy đổi ra tiền tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 304.000.000 đồng, nhưng do bà T chỉ yêu cầu số tiền ông T1 phải trả là 290.000.000 đồng tại Đơn kháng cáo nên nay vẫn giữ yêu cầu ông T1 phải trả số tiền 290.000.000 đồng, không yêu cầu bị đơn trả lãi trên số tiền gốc.

- Bị đơn ông Võ Anh T1 do bà Phan Thị Thu T2 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà T2 là vợ ông T1. Bà không nghe mẹ chồng (bà Kim A) nói gì về việc mợ Út (bà T) có cho mượn số tiền 9.000.000 đồng, do vậy ông T1 không đồng ý trả khoản tiền này cho bà T, trừ trường hợp bà T đưa được chứng cứ về việc bà Kim A có mượn tiền bà T.

Về Giấy cam kết ngày 28/7/2020, bà T2 thừa nhận chữ ký và viết tên Võ Anh T1 là chữ ký và chữ viết của bị đơn, tuy bà T2 không cho rằng ông T1 bị cưỡng ép để ký Giấy cam kết nhưng trình bày do ông T1 không hiểu biết nên mới đồng ý ký vô Giấy cam kết này.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến diễn biến phiên tòa phúc thẩm, các đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo tài liệu chứng cứ và xác nhận của bị đơn về Giấy cam kết ngày 28/7/2020, kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị chấp nhận kháng cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, án phí tính theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và sau khi nghe ý kiến

phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn – bà Cao Thị T nộp đơn kháng cáo đúng thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Đơn kháng cáo của bà T được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông T1 trả lại 02 cây vàng 24K theo Giấy cam kết ngày 28/7/2020, thành tiền là 304.000.000 đồng tại thời điểm xét xử sơ thẩm, tính theo giá 152.000.000 đồng/lượng vàng nhưng bà T chỉ yêu cầu trả số tiền là 290.000.000 đồng.

Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguyên đơn trình bày vào thời điểm năm 1990, nguyên đơn cho bà Võ Thị Kim A là mẹ của bị đơn – ông Võ Anh T1 mượn số tiền là 9.000.000 đồng nhưng không có làm giấy tờ chứng minh. Sau khi thỏa thuận lại với ông T1, ông T1 đã xác nhận sự việc này và cam kết trả lại 02 lượng vàng 24K cho nguyên đơn tại Giấy giao nhận tiền ngày 23/7/2020.

Theo Giấy giao nhận tiền ngày 23/7/2020 (BL.42 - do nguyên đơn cung cấp), tại mặt sau có một đoạn chữ viết tay như sau: *"Hôm nay ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại Quận M, tôi Võ Anh T1, cam kết rằng: nguyên trước đây, mẹ tôi bà Võ Thị Kim A (sinh năm 1945 - mất năm 2020) có mượn của mợ Út tên họ: Cao Thị T số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng) tương đương với giá trị khoảng 02 cây vàng 24 kara (bằng chữ Hai cây vàng 24 kara). Nay mẹ tôi đã mất, tôi làm giấy này cam kết sẽ trả thay cho mẹ tôi. Tôi cam kết, ngay sau khi tôi nhận được tiền căn nhà thì tôi sẽ gởi trả ngay 02 cây vàng cho mợ Út"* và bên dưới là chữ ký, chữ viết họ tên ông Võ Anh T1.

Bị đơn – ông Võ Anh T1 cho rằng ông T1 và mẹ ông không vay mượn gì từ bà T.

Tại Biên bản đối chất ngày 09/10/2025 (BL.53,54), phía nguyên đơn cho rằng do Giấy giao nhận tiền ngày 23/7/2020 được lập thành 02 bản, mỗi bên ông T1 và ông Đ giữ một bản, vào ngày 28/7/2020 khi ông Đ gặp ông T1, ông Đ yêu cầu ông T1 làm xác nhận trả thay cho mẹ 9.000.000 đồng tương đương 02 cây vàng cho bà T, ông T1 đồng ý, nhưng do không đem theo Giấy giao tiền mà ông T1 đang giữ (BL.43), nên ông T1 chỉ ký và ghi họ tên trên nội dung Giấy cam kết của bên ông Đ giữ (BL.42). Bị đơn ông T1 lại cho rằng nội dung mặt sau của Giấy giao nhận tiền ngày 23/7/2020 (BL.42) do bà T cung cấp không phải chữ viết của ông T1, ông T1 cho rằng ông T1 không biết viết chữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác nhận: chữ viết phần nội dung cam kết nêu trên là do ông Nguyễn Nam S viết nhưng ông T1 đồng ý và ký và viết tên ngay bên dưới nội dung này. Bà T2 (vợ của ông T1) đại diện hợp pháp của bị đơn thừa nhận phần chữ ký và chữ viết tên Võ Anh T1 dưới nội dung cam kết trên Giấy cam kết ngày 28/7/2020 (BL.42) là do ông T1

ký và viết. Bà T2 cho rằng ông T1 nghe cậu (ông Đ) *kêu ký thì ký thôi*, bà T2 cũng không trình bày gì về việc ông T1 có bị ép buộc để ký văn bản cam kết trả nợ thay bà T không.

Xét thấy: Bị đơn chỉ cho rằng nguyên đơn không có văn bản tài liệu về việc bà Kim A mượn số tiền 9.000.000 đồng vào thời điểm năm 1990 nên nay yêu cầu ông T1 trả tiền thì ông T1 không đồng ý, nhưng bị đơn không phủ nhận nội dung cam kết về việc ông T1 đồng ý trả nợ thay bà Kim A bằng 02 lượng vàng 24K mà ông T1 đã ký tại văn bản ngày 28/7/2020 (BL.42) cũng như không đưa ra được lập luận nào phản bác lại chứng cứ do nguyên đơn xuất trình – BL.42.

Việc bị đơn ký văn bản cam kết trả số tiền bà Kim A đã mượn 9.000.000 đồng được quy đổi thành 02 lượng vàng 24K là hành vi pháp lý đơn phương giao kết hợp đồng (đơn vụ) mà trong đó ông T1 là người chỉ có nghĩa vụ - trả tiền và bà T là người chỉ có quyền - nhận tiền do ông T1 trả (khác với hợp đồng song vụ khi bà Kim A có quyền nhận khoản tiền 9.000.000 đồng đã mượn từ bà T và bà Kim A có nghĩa vụ tương ứng là phải trả lại tiền cho bà T khi đến hạn).

Vậy, việc nguyên đơn yêu cầu ông T1 thực hiện theo cam kết ngày 28/7/2020 là có căn cứ theo quy định tại Điều 116, Điều 409 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng đề nghị chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm do tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của bị đơn thừa nhận chữ ký và viết tên trên văn bản thể hiện nội dung cam kết chịu trách nhiệm trả tiền tương đương 02 lượng vàng cho bà T.

Từ những nhận định trên, chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm của Toà án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự sơ thẩm cũng được tính lại theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, như sau: Ông Võ Anh T1 phải chịu án phí được tính trên số tiền nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận, là 14.500.000 đồng. Bà Cao Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và đã được miễn nộp tạm ứng án phí do là người cao tuổi và có đơn xin miễn.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên án phí dân sự phúc thẩm, người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn - bà Cao Thị T, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 1402/2025/DS-ST ngày 09/12/2025 của Toà án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1 Ông Võ Anh T1 có nghĩa vụ trả 02 (hai) lượng vàng 24K thành tiền là 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng) cho bà Cao Thị T để chấm dứt nghĩa vụ đã cam kết tại Giấy cam kết ngày 28/7/2020.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền nêu trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2 Đình chỉ giải quyết việc yêu cầu trả lãi đối với số tiền tương ứng 02 lượng vàng 24K kể từ ngày cam kết đến ngày 09/12/2025 do nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu và không được khởi kiện lại.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Anh T1 chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.500.000 đồng (mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng) và có trách nhiệm nộp tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Cao Thị T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Khu vực 10 - TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Phòng THADS Khu vực 10 - TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu/22.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hiền